

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Bachelor program specification)
NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ**

*(Ban hành theo Quyết định số 1873/QĐ-ĐHĐT, ngày 17 tháng 10 năm 2021 của
Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng.....	3
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo	3
3. Mục tiêu đào tạo.....	3
4. Thông tin tuyển sinh.....	3
4.1. Đối tượng tuyển sinh:.....	3
4.2. Phạm vi tuyển sinh:.....	3
4.3. Phương thức tuyển sinh:.....	3
5. Điều kiện nhập học	4
6. Điều kiện tốt nghiệp	4
7. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.....	4
8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng năm 2021	4
9. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp	4
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
1. Kiến thức	5
2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức	5
3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy.....	7
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết.....	7
3. Các học phần hình thành năng lực	12
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy	21
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập.....	21

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
 - Tiếng Việt: Sư phạm Địa lý
 - Tiếng Anh: Geography Education
- Mã số ngành đào tạo: 7140219
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Sư phạm Địa lý
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo giáo viên Địa lý có đạo đức và phong cách nhà giáo, có lòng yêu nghề và phát triển nghề nghiệp bản thân. Hiểu rõ kiến thức của khoa học Địa lý và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan, có khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học Địa lý ở trường phổ thông và nghiên cứu.

4. Thông tin tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. Phạm vi tuyển sinh:

Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh:

4.3.1. Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia.

4.3.2. Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ).

4.3.3. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

4.3.4. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2021 của ĐHQG TP.HCM.

5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

7. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Địa lý tại các trường phổ thông trong cả nước;
- Có khả năng làm công tác nghiên cứu tại các phòng, trung tâm, viện nghiên cứu về khoa học Địa lý, tài nguyên và môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, quy hoạch, nghiên cứu giáo dục, dự án dân số, đô thị hóa, phát triển nông thôn;
- Có khả năng làm chuyên viên và quản lý tại các bộ phận của trường học, các cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục, các cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với chuyên môn như du lịch, môi trường, địa chính,...
- Có khả năng tiếp tục tham gia học tập nhằm nâng cao trình độ sau đại học tại các trường, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng năm 2021

9. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
1. Kiến thức	
1.1. Hiểu kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu rèn luyện bản thân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiến thức cơ bản, hiện đại về pháp luật, triết học Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và công tác.	2
1.2. Vận dụng kiến thức về tâm lý học sư phạm, khoa học giáo dục, tiếng Việt và ngữ pháp, lịch sử thế giới và Việt Nam, tin học, toán học, ngoại ngữ trong việc tiếp thu tốt kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp và công tác.	3
1.3. Phân tích được kiến thức cơ bản, chuyên sâu của Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế - xã hội, Địa lý Việt Nam, lý luận và phương pháp dạy học địa lý đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	4
1.4. Đánh giá thực tiễn giáo dục để vận dụng Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế - xã hội, Địa lý Việt Nam, lý luận và phương pháp dạy học địa lý trong phát triển kỹ năng nghề nghiệp của bản thân.	5
2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức	
Kỹ năng nghề nghiệp	
2.1. Thành thạo sử dụng bản đồ và các công cụ Địa lý trong học tập, giảng dạy ở nhà trường và nghiên cứu thực tế.	4
2.2. Thành thạo tổ chức một cuộc khảo sát học tập trải nghiệm thực địa và vận dụng kiến thức lý thuyết đó vào thực tế, thu thập thông tin tư liệu phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	4
2.3. Chuẩn xác những kiến thức đã học trong giảng dạy, hướng dẫn học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm.	3
2.4. Thành thạo các chủ đề dạy học tích hợp và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng và nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông.	4
2.5. Tự động hóa thiết kế công cụ, phương pháp đánh giá, phân tích kết quả đánh giá và đưa ra kết luận.	5
Kỹ năng mềm	
2.6. Thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lý tài liệu.	4
2.7. Thao tác được ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể, giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh.	2

2.8. Thành thạo xây dựng môi trường học tập hứng thú, lôi cuốn học sinh tham gia các hoạt động học tập.	4
2.9. Chuẩn xác ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc và cuộc sống.	3
2.10. Tự động hóa làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm.	5
Phẩm chất đạo đức	
2.11. Tiếp nhận các phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, những quy định về nhiệm vụ, quyền của nhà giáo và quy định của địa phương.	3
2.12. Tiếp nhận các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có lối sống lành mạnh, văn minh; có tác phong mẫu mực, ứng xử tốt với học sinh và đồng nghiệp.	3
2.13. Tổ chức tốt các chức năng xã hội của giáo dục, tích cực đóng góp phát triển giáo dục; biết phối hợp tốt giữa nhà trường, gia đình học sinh và xã hội.	4
3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
3.1. Đánh giá kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	3
3.2. Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định và chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	4
3.3. Tính cách hóa, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	5

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **139**, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Bắt buộc: 30 TC
Tự chọn: 05/35 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 104TC
- Cơ sở nhóm ngành: Bắt buộc: 10 TC
Tự chọn: 00/10 TC
- Cơ sở ngành: Bắt buộc: 19 TC
Tự chọn: 06/25TC
- Chuyên ngành: Bắt buộc: 41 TC
Tự chọn: 02/43 TC
- Bổ trợ: Bắt buộc: 04 TC
Tự chọn: 00/04 TC
- Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 16 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 06 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			35						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4

III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu long	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			16						
1. Học phần đại cương bắt buộc			14						
1	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
2	GO4500	Nhập môn ngành Sư phạm Địa lý	1	10	10				1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0		GE4091		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4056		4
2. Học phần đại cương tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
1	GE4049	Tiếng việt thực hành	2	25	10				3
2	GE4028	Lôgic học đại cương	2	30	0				3
3	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30	0				3

4	GE4027	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	30	0				3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			10						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30	0				1
3	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30	0		GE4045		2
4	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30	0		GE4017		2
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30	0				5
II. Kiến thức cơ sở ngành			25						
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			19						
1	GO4118	Địa lý tự nhiên đại cương 1	3	40	10				1
2	GO4151N	Địa lý tự nhiên đại cương 2	3	40	10		GO4118		2
3	GO4206	Bản đồ	3	35	20				2
4	GO4109	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	3	40	10				2
5	GO4207	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	3	40	10		GO4109		3
6	GO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý	2	25	10				5
7	GO4159	Toán ứng dụng cho địa lý	2	30	0				6
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6						
2.1 Nhóm 1 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
1	GO4208	Thiết kế, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học địa lý ở trường phổ thông	2	25	10				5
2	GO4203	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông	2	25	10				5
3	GO4204	Đánh giá trong dạy học Địa lý ở trường Phổ thông	2	25	10				5
2.2 Nhóm 2 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
1	GO4166	Địa lý biên, đảo Việt Nam	2	25	10				7
2	GO4209	Địa danh Việt Nam	2	25	10				7

3	GO4210	Thích ứng biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai tại Việt Nam	2	25	10				7
2.3 Nhóm 3 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
1	GO4172	Địa lý nhân văn	2	25	10				7
2	GO4211	Địa lý đô thị	2	25	10				7
3	GO4136	Địa lý du lịch	2	25	10				7
III. Kiến thức chuyên ngành			43						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			41						
1	GO4116	Địa lý tự nhiên các lục địa 1	3	40	10		GO4151N		3
2	GO4126	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	3	20	50		GO4206		3
3	GO4117N	Địa lý tự nhiên các lục địa 2	3	40	10		GO4116		4
4	GO4123N	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	40	10		GO4207		4
5	GO4202	Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường Phổ thông	3	30	30				4
6	GO4124	Địa lý kinh tế- xã hội thế giới 2	3	40	10		GO4123N		5
7	GO4121	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	3	40	10		GO4117N		5
8	GO4212	Thực địa địa lý tự nhiên	1	0	30				6
9	GO4122	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	3	40	10		GO4121		6
10	GO4113N	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	3	40	10		GO4124		6
11	GO4213	Phát triển năng lực trong dạy học địa lý ở trường phổ thông	3	30	30				6
12	GO4114N	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	3	40	10		GO4113N		7
13	GO4108	Địa lý địa phương	2	25	10				7
14	GO4155	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học địa lý	2	10	40				7
15	GO4181	Tích hợp trong dạy học Địa lý	2	25	10				7
16	GO4214	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội	1	0	30				8
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
1	GO4014	Địa lý miền nhiệt đới	2	25	10				7

2	GO4215	Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa	2	25	10				7
3	GO4186	Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học Địa lý	2	25	10				7
IV. Kiến thức bổ trợ			4						
1	GO4216	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	2	15	30				5
2	GO4205	Ngoại ngữ chuyên ngành địa lý	2	20	20				6
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp			16						
1	GO4401P	Rèn luyện NVSPTX1	1	0	30				2
2	GO4402P	Rèn luyện NVSPTX2	1	0	30		GO4401P		3
3	GO4403P	Rèn luyện NVSPTX3	1	0	30		GO4402P		4
4	GO4404	Rèn luyện NVSPTX4	1	0	30		GO4403P		5
5	GO4430	Kiến tập sư phạm	2	0	60		GO4403P		5
6	GO4405	Rèn luyện NVSPTX5	1	0	30		GO4404		6
7	GO4406	Rèn luyện NVSPTX6	1	0	30		GO4405		7
8	GO4407	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240		GO4430 GO4406		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế khóa luận			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	GO4280	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		GO4040E		8
2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
1	GO4292N	Những vấn đề địa lý tự nhiên	3	40	10				8
2	GO4295P	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội	3	40	10				8
Tổng số TCTL			139	1763	1712				

3. Các học phần hình thành năng lực

Các học phần hình thành năng lực gồm: kiến thức, kỹ năng/phẩm chất đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức													Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KN 2.13	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
A	Kiến thức giáo dục đại cương																				
I	Ngoại ngữ																				
1	Tiếng Anh 1																				
2	Tiếng Anh 2																				
II	Giáo dục quốc phòng																				
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam																				
2	Công tác quốc phòng và an ninh																				
3	Quân sự chung																				
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật																				
III	Giáo dục thể chất																				

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức													Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KT 2.13	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
1	Học phần thể chất bắt buộc																				
1	Giáo dục thể chất 1																				
2	Giáo dục thể chất 2 (Boi lội)																				
2	Học phần thể chất tự chọn																				
1	Bóng đá																				
2	Bóng chuyền																				
3	Cầu lông																				
4	Võ thuật Vovinam																				
5	Võ thuật Karatedo																				
6	Cờ vua																				
7	Bóng bàn																				
8	Bóng ném																				
9	Bóng rổ																				
10	Tennis (Quần vợt)																				
11	Đá cầu																				
IV	Đại cương chung																				

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức													Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KT 2.13	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
1	Học phần đại cương bắt buộc																				
1	Triết học Mác – Lênin																				
2	Nhập môn ngành Sư phạm Địa lý			4													4	3			
3	Pháp luật Việt Nam đại cương																				
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin																				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh																				
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học																				
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam																				
2	Học phần đại cương tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)																				
1	Tiếng Việt thực hành																				
2	Lôgic học đại cương																				
3	Lịch sử văn minh Thế giới																				
4	Lịch sử Việt Nam đại cương																				

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức													Mức tự chủ và trách nhiệm		
						KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																				
I	Kiến thức cơ sở nhóm ngành																				
1	Tâm lý học đại cương																				
2	Giáo dục học đại cương																				
3	Tâm lý học trung học																				
4	Giáo dục học trung học																				
5	Quản lý HCNN và QL ngành GD																				
II	Kiến thức cơ sở ngành																				
1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc																				
1	Địa lý tự nhiên đại cương 1			3		4		3												4	5
2	Địa lý tự nhiên đại cương 2			4		4				4										4	5
3	Bản đồ			3		4		3												1	5
4	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1			4	3	4	4													4	5

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																						
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức														Mức tự chủ và trách nhiệm				
						KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KN 2.13	TC 3.1	TC 3.2
5	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2			4	3	4	4															4	5	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý				5									2								3	3	
7	Toán ứng dụng cho địa lý			1										2										2
2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn																							
2.1	Nhóm 1 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)																							
1	Thiết kế, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học địa lý ở trường phổ thông			4	5		4							4		4								5
2	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông			4	5				4	3												3		5
3	Đánh giá trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông		3	4						5				4	5								4	5
2.2	Nhóm 2 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)																							
1	Địa lý biển, đảo Việt Nam			3				3	4														1	5
2	Địa danh Việt Nam			2				3						4									3	

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																				
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức														Mức tự chủ và trách nhiệm		
						KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KN 2.13
3	Thích ứng biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai tại Việt Nam			5				4												4		
2.3	Nhóm 3 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)																					
1	Địa lý nhân văn			4	3	4	4			4				5								
2	Địa lý đô thị			3	3	4	4			4											5	
3	Địa lý du lịch			3	3	4	4							5						4		
III	Kiến thức chuyên ngành																					
1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc																					
1	Địa lý tự nhiên các lục địa 1			4	5	4		4												3	5	
2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)			3			4													4		
3	Địa lý tự nhiên các lục địa 2			4	5	4		4												3	5	
4	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1			4	3	4								5							5	
5	Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường Phổ		3	4	5				4						5					4	5	

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																					
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức														Mức tự chủ và trách nhiệm			
						KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KT 2.13	TC 3.1
	thông																						
6	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2			4	3	4									5						3		5
7	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1			4	5	4	4															3	5
8	Thực địa địa lý tự nhiên			3		4	4															4	
9	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2			4	5	4	4															3	5
10	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1			4	3	4	4								5								5
11	Phát triển năng lực trong dạy học địa lý ở trường phổ thông			4	5			3						4							3	4	
12	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2			4	3	4	4								5								5
13	Địa lý địa phương			4	5								4									3	5
14	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lý			4	5							4		4	5							3	5
15	Tích hợp trong dạy học địa lý			4	5			3						4								3	4
16	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội			4	3	4									5							3	5
2	Kiến thức chuyên ngành tự																						

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																				
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức														Mức tự chủ và trách nhiệm		
						KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KN 2.13
	chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)																					
1	Địa lý miền nhiệt đới			3			3			4									3	1		
2	Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa				2					4					5			1	3	5		
3	Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học Địa lý			4	5			4						5				3				
IV	Kiến thức bổ trợ																					
1	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học			4	5					2				5					4	5		
2	Ngoại ngữ chuyên ngành địa lý																					
V	Thực hành thực tập nghề nghiệp																					
1	Rèn luyện NVSPTX 1		3						5				3	5							5	
2	Rèn luyện NVSPTX 2		3										3	5				3	4	5		
3	Rèn luyện NVSPTX 3		3	4			4					4		5					4	5		
4	Rèn luyện NVSPTX 4				4			3				4		5					4	5		

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức														Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KN 2.1	KN 2.2	KN 2.3	KN 2.4	KN 2.5	KN 2.6	KN 2.7	KN 2.8	KN 2.9	KN 2.10	KN 2.11	KN 2.12	KN 2.13	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
5	Kiến tập sư phạm		3		5			4	4	5										4	5
6	Rèn luyện NVSPTX 5				5					4		4		5						4	5
7	Rèn luyện NVSPTX 6				5					4		4		5						4	5
8	Thực tập tốt nghiệp																				
VI	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế																				
1	Khóa luận tốt nghiệp																				
1	Khóa luận tốt nghiệp			4	5		4														5
2	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																				
1	Những vấn đề địa lý tự nhiên			5	6	4													4	4	
2	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội			4	3	4								5						4	5

4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

4.2. Phương pháp giảng dạy

- + Tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiện đại.
- + Coi trọng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, nhóm của sinh viên.
- + Tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy thông qua báo cáo chuyên đề, ngoài khóa, trải nghiệm thực tế.
- + Tăng cường kết nối giáo viên, trường phổ thông, thường xuyên tạo điều kiện cho sinh viên xuống trường phổ thông giao lưu, học hỏi.
- + Tăng cường các phương tiện, thiết bị dạy học nhằm phát huy năng lực người học.
- + Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập, thực địa, trải nghiệm.
- + Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Ngoại ngữ, tin học theo định hướng CTGD phổ thông tổng thể năm 2018.

5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp.